



PHỤ LỤC 1

Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điểm b, Điều 1.1	"Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005.	"Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.	Theo Luật Doanh nghiệp 2014 và phù hợp TT121 về quản trị Công ty
2. Điều 2.5	Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện, đơn vị thành viên hoặc các công ty con tại địa bàn kinh doanh ở trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.	Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện, đơn vị thành viên hoặc các công ty con tại một địa bàn theo địa giới hành chính, ở trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.	Theo quy định tại Điều 46 của Luật Doanh nghiệp và 2014 phù hợp TT121 về quản trị Công ty
3. Điều 4.1	Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định tại Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Theo quy định tại Điều 29 của Luật Doanh nghiệp 2014 và phù hợp TT121 về quản trị Công ty
4. Điều 5.2.	Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.	Theo quy định tại Luật DN 2014 và phù hợp TT121 về quản trị Công ty
5. Điều 8.1	Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.	Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Nếu dịch vụ của Công ty không thuộc ngành nghề bị giới hạn thì Nhà đầu tư Nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.	Theo Nghị định 60/2015 của CP ngày 26/6/2015 và Thông tư 123/2015 ngày 19/8/2015 của Bộ TC hướng dẫn hoạt động đầu tư NN tại Thị trường Chứng khoán Việt Nam và sửa đổi cho phù hợp với thực tế

6.	Điều 9.5	<p>Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá 12% một năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</p>	<p>Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá <u>lãi suất cơ bản Ngân hàng</u> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</p>	Sửa đổi cho phù hợp với thực tế
7.	Điều 13.1	<p>Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp</u></p>	Theo quy định tại Điều 136.1 của Luật DN 2014 và phù hợp TT121 về quản trị Công ty
8.	Điều 14.1	<p>Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; b. Báo cáo của Ban kiểm soát; c. Báo cáo của Hội đồng quản trị; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 	<p>Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; b. Báo cáo của Ban kiểm soát; c. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng <u>Kiểm soát viên</u>; d. Báo cáo của Hội đồng quản trị; e. Kế hoạch phát triển <u>kinh doanh hàng năm</u>, ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 	Theo quy định tại Điều 136.2, của Luật Doanh nghiệp 2014 và phù hợp TT121 về quản trị Công ty
9.	Điểm I, Điều 14.2	<p>Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán</p>	<p>Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc quyết định đầu tư, giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán</p>	Theo quy định tại Điều 135.2, mục d của Luật Doanh nghiệp 2014 - Quyển và nhiệm vụ của ĐHCĐ và phù hợp TT121 về quản trị Công ty

10.	Điều 17.3	<p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội.</p> <p>- Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính.</p> <p>- Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p>	<p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội.</p> <p>- Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến địa chỉ các cổ đông đã đăng ký tại các Công ty Chứng khoán nơi cổ phiếu được lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty.</p> <p>- Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</p>	<p>Phù hợp theo thực tế và theo quy định tại Điều 139.4 Luật Doanh nghiệp 2014 – Mời họp Đại hội đồng cổ đông và phù hợp TT121 về quản trị Công ty</p>
11.	Điều 18.1	<p>Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty</p>	<p>Theo quy định tại Điều 141.1 của Luật DN 2014 – Điều kiện tiến hành họp ĐHCĐ và theo TT121 về quản trị Công ty</p>
12.	Điều 18.2	<p>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Điều 18.1 nêu trên trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp và theo quy định tại Điều 141.2 của Luật Doanh nghiệp 2014 - Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và theo TT121 về quản trị Công ty</p>

13.	Điều 19.4	<p>Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ toạ của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm Chủ toạ thì Trường ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ toạ cuộc họp.</p>	<p>Theo quy định tại Điểm a, Điều 142.2 - Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông và phù hợp theo TT121 về quản trị Công ty</p>
14.	Điều 20.2	<p>Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>	<p>a. Các <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty. 2. Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán. 3. Tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp. 4. <u>Thay đổi, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh</u> 5. <u>Quyết định đầu tư, giao dịch mua và bán tài sản do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất được kiểm toán.</u> <p>b. <u>Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc phương pháp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</u></p> <p>c. <u>Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết tán thành</u></p>	<p>Theo quy định tại Điều 144.1, 144.2, 144.3 và 144.4 của Luật Doanh nghiệp 2014 - Điều kiện để Nghị quyết được thông qua và phù hợp TT121 về quản trị Công ty</p>
Bổ sung mục b				

15.	Điều 21.2	<p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông</p>	<p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét, biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến</p>	<p>Theo quy định tại Điều 145.2 của Luật Doanh nghiệp 2014 qua và phù hợp TT121 về quản trị Công ty</p>
16.	Điểm b, Điều 21.4	<p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ</p>	<p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ</p>	<p>Theo quy định tại Điểm b, Điều 145.4 của Luật doanh nghiệp 2014 - Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và phù hợp TT121 về quản trị Công ty</p>
17.	Điểm a, Điều 21.5	<p>Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh</p>	<p>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Doanh nghiệp</p>	<p>Theo quy định tại Điểm a, Điều 145.5 Luật Doanh nghiệp 2014 - Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và phù hợp TT121 về quản trị Công ty</p>
18.	Điều 21.8	<p>Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 145.8 của Luật Doanh nghiệp 2014 và phù hợp TT121 về quản trị Công ty</p>

19.	Điều 24.1	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất 20% tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Các thành viên độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty.	Theo quy định tại Điều 134.1b - Luật DN 2014 – Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty CP và phù hợp TT121 về quản trị Công ty
20.	Điều 24.9	Bổ sung mới	Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác	Theo quy định tại Điểm c, Điều 151.1 của Luật DN 2014
21.	Điều 24.10	Bổ sung mới	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không phải là người đang làm việc cho công ty công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó. b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định. c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty. d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty. đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.	Theo quy định tại Điều 151.1, điểm c - Luật Doanh nghiệp 2014 Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

22.	Điều 25.3	Sửa đổi/bổ sung Điều 1	Đầu, nhiệm, bổ nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);	Thành lập, bổ nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);	Theo quy định tại Điều 1, 149.2 – Luật Doanh nghiệp 2014 – Hội đồng quản trị và phù hợp TT121 về quản trị Công ty
23.	Điều b, Điều 25.4	Thành lập các Công ty con của Công ty	Thành lập, bổ nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);	Thành lập, bổ nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty và không vi phạm quy định tại Điều 149.2 và 162.3 Luật Doanh nghiệp	Phù hợp tinh hình thực tế
24.	Điều c, Điều 25.4	Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập công ty và liên doanh)	Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh) có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh) có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	Theo quy định tại Điều 149.2 và Điều 162.3 của Luật DN 2014 và phù hợp TT121 về quản trị Công ty
25.	Điều 26.1	Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng thường niên.	Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng thường niên.	Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Theo quy định tại Điều 152.1 – Luật Doanh nghiệp 2014 – Chủ tịch Hội đồng quản trị và phù hợp TT121 về quản trị Công ty
26.	Điều 28.3	Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; b. Hai thành viên Hội đồng quản trị; c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.	Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; b. Hai thành viên Hội đồng quản trị; c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; d. Đa số thành viên Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập.	Theo quy định tại Điều 153.4 – Luật Doanh nghiệp 2014 – Cuộc họp Hội đồng quản trị và phù hợp TT121 về quản trị Công ty	Theo quy định tại Điều 153.4 – Luật Doanh nghiệp 2014 – Cuộc họp Hội đồng quản trị và phù hợp TT121 về quản trị Công ty

27.	Điều 28.4	<p>Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 28.3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn <u>mười</u> làm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 28.3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị</p>	<p>Theo quy định tại Điều 153.5 của Luật Doanh nghiệp và phù hợp TT121 về quản trị Công ty</p>
28.	Điều 28.8	<p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn <u>mười</u> (10) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 153.8 của Luật Doanh nghiệp và phù hợp TT121 về quản trị Công ty</p>
29.	Điều 32	<p>a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; b. Làm biên bản các cuộc họp; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 152. 5 của Luật Doanh nghiệp 2014 – Chủ tịch Hội đồng quản trị và phù hợp TT121 về quản trị Công ty</p>
30.	Bổ sung Điều 34.5	<p>Điều 34.5 – Quyên khởi kiến đối với thành viên Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc</p> <p>1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có</p>	<p>Theo quy định tại Điều 161 – Luật Doanh nghiệp 2014 - Quyên khởi kiện đối với thành</p>

			<p>viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng giám đốc</p>
31.	Điều 36.1	<p>Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban Kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 163.2 của Luật Doanh nghiệp 2014 – Ban Kiểm soát</p>
		<p>quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty sẽ tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.</p> <p>Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một (01) thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty</p>	

32.	Điều 37.1	<p>Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 165 - Luật Doanh nghiệp 2014 – quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát</p>
<p>Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.</p> <p>b. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập</p> <p>c. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>d. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>e. rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.</p> <p>f. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>g. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội</p>			

		<p><u>đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</u></p> <p>h. <u>Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</u></p> <p>i. <u>Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</u></p> <p>j. <u>Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.</u></p> <p>k. <u>Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</u></p> <p>l. <u>Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>m. <u>Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</u></p>		
33.	Điều 37.2	<p>Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 166.2 – Luật Doanh nghiệp - Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát và phù hợp TT121 về quản trị Công ty</p>	
34.	Điều 49.1	<p>Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp</p>	<p>Theo quy định tại Điều 44 - Luật Doanh nghiệp 2014 – Con dấu của DN và phù hợp TT121 về quản trị Công ty</p>	

35.	Điều 56.1	<p>Bản Điều lệ này gồm XXI chương 56 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần giám định Vinacontrol nhất trí thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2008 tại TP Hồ Chí Minh và được Đại hội đồng thường niên các năm 2011, năm 2012 và năm 2014 nhất trí sửa đổi theo nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 4 năm 2011 tại Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012 và 22 tháng 3 năm 2014 tại TP. Hồ Chí Minh cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	<p>Bản Điều lệ này gồm XXI chương 56 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần giám định Vinacontrol nhất trí thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2008 tại TP Hồ Chí Minh và được Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm 2011, năm 2012, năm 2014 và năm 2016 nhất trí sửa đổi theo nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 4 năm 2011 tại Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012, ngày 22 tháng 3 năm 2014 tại TP. Hồ Chí Minh và ngày 26 tháng 3 năm 2016 tại Hà Nội cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	Sửa đổi cho phù hợp tại Đại hội cổ đông 2016
-----	-----------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------